

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021.

V/v: *Tranh chấp ly hôn
và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ và bà Nguyễn Thị Tiếp.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST, ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ S sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Công Tuấn A sinh năm 1995

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị Mỹ S trình bày: Chị và anh Lê Công Tuấn A chung sống với nhau năm 2015. Đến ngày 09/05/2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Tr, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị. Hôn nhân tự nguyện, sau khi cưới vợ chồng cùng nhau đi làm ở trong miền nam, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 10/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị phát hiện anh Tuấn A bài bạc, lô đề, uống rượu say và đánh đập chị. Mặc dù chị đã

hiều lần khuyên giải và tha thứ để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng năm này S năm khác anh vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Tháng 4/2018, vợ chồng con cái về quê ở thôn Đ, xã C, C sống chung cùng với gia đình anh Tuấn A. Đến tháng 4/2019, chị đã về nhà ngoại để sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Minh H – Sinh ngày 20/5/2016 và cháu H – Sinh ngày 21/9/2017.

Hiện nay, cháu Hải đang ở với chị, cháu H ở với anh Anh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Tuấn A vắng mặt, không nộp ý kiến cho Tòa án. Nên chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Công Tuấn A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh Tuấn A là bà Vũ Thị L (Mẹ đẻ của anh Tuấn A). Bà L cho biết: Anh Lê Công Tuấn A là con trai của bà. Anh Tuấn A và chị S đi làm ăn trong miền Nam có quen biết nhau qua tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc ở trong miền Nam. Đến khi chị S sinh con thứ hai năm 2017 thì cả gia đình chuyển về quê chồng ở C sinh sống. Trong quá trình chung sống với gia đình, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng 01 năm sau, không biết lý do vì sao chị S tự ý mang theo 02 con về nhà ngoại và không về nhà nữa. Sau đó, ông nội vào nhà ngoại của chị S đón cháu Lê Minh H (Con đầu của anh chị) về ở cùng với bố và ông bà nội đến nay. Khi chị S làm đơn ly hôn chị mới về nhà lấy đồ dùng của mình. Việc ly hôn giữa chị S và anh Tuấn A gia đình đã khuyên ngăn, nhưng chị S cương quyết ly hôn gia đình cũng phải chịu. Anh Tuấn A đã gọi điện trao đổi anh nhất trí ly hôn nhưng do công việc bận nên không về được và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà Liên đã nhận giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Liên đã cam kết giao lại cho anh Tuấn A.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Mỹ S ly hôn anh Lê Công Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2016 và H, sinh ngày 21/9/2017. Giao cả 02 cháu H và Hải cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị S không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ S làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Lê Công Tuấn A trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Lê Công Tuấn A hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã C, anh Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh Tuấn A đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn Đ, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

Anh Tuấn A đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227-Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A. Bị

đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị (Quê của chị S) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị S và anh Tuấn A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn A hay bài bạc, lờ đờ, uống rượu say và đánh đập chị. Chị và anh đã ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị S và anh Tuấn A có 02 con chung Lê Minh H sinh ngày 20/5/2016 và H sinh ngày 21/9/2017. Hiện nay, cháu H đang ở với anh Tuấn A và ông bà nội (Anh đi làm gửi con cho ông bà). Còn cháu Hải đang ở với chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tuấn A vắng mặt, không nộp ý kiến cho Tòa án. Tại phiên tòa chị S có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị S là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Hai cháu chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không thể hỏi được nguyện vọng của các cháu. Do đó, giao cả 02 cháu H và Hải cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị S không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, **điểm b khoản 2 điều 227** và điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị Mỹ S được ly hôn anh Lê Công Tuấn A.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2016 và H, sinh ngày 21/9/2017. Giao cả 02 cháu H và Hải cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị S không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Công Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003398, ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã C.
- UBND xã Tr.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

